

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 06 - 6 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Tấn Sinh
2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Buôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Y S Bkrông, sinh năm 1969 và bà H B Byă, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị L trình bày:*

Ngày 06 tháng 5 năm 2023, tôi có cho vợ chồng ông Y S Bkrông và bà H B Byă vay số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng chẵn), thỏa thuận thời gian trả như sau:

Ngày 15/11/2023, trả 30.000.000 đồng. Ngày 15/5/2024, trả 30.000.000 đồng. Ngày 15/12/2024, vợ chồng ông Y S Bkrông và bà H B Byă trả hết số tiền gốc còn lại và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định.

Tuy nhiên đến ngày 15/01/2025, vợ chồng ông Y S Bkrông và bà H B Byă mới chỉ trả cho tôi được 5.000.000đồng.

Số tiền còn lại 80.000.000đồng, tôi đã nhiều lần gọi điện thoại và gặp trực tiếp để yêu cầu trả nợ nhưng ông Y S Bkrông và bà H Bem Byă không trả, cố tình chây ỳ, viện nhiều lý do.

Vậy nay, tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Y S Bkrông và bà H B Byă trả cho tôi số tiền 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng) và tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền 80.000.000đồng kể từ ngày vay ngày 06/5/2023 đến ngày khởi kiện là ngày 14/11/2024 là 12.230.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi vợ chồng ông Y S Bkrông và bà H B Byă trả hết nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2024, bị đơn vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă trình bày:*

Vợ chồng tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị L, vào ngày 06/5/2023 vợ chồng tôi có vay của bà L số tiền 85.000.000 đồng và cam kết thời hạn trả cụ thể ngày 15/11/2023 trả cho bà L 30.000.000 đồng, ngày 15/5/2024 trả 30.000.000 đồng và đến ngày 15/12/2024 trả hết số tiền còn lại và lãi theo ngân hàng quy định. Tuy nhiên do làm ăn khó khăn nên vợ chồng tôi chưa trả được nợ cho bà L như đã cam kết tại Giấy vay tiền ngày 06/5/2023. Nay bà L khởi kiện vợ chồng tôi cam kết trong tháng 12/2024 (âm lịch) tức tháng 01/2025 (dương lịch) trả cho bà L 5.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng xin trả dần và lãi suất xin bà L không tính.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk:*

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị L; buộc bị đơn vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải trả cho bà Lưu Thị L số tiền gốc 80.000.000 đồng. Về tiền lãi tính theo quy định pháp luật.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt không tham tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có căn cứ cho việc vắng mặt của vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Lưu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải trả cho ông bà số tiền gốc 80.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Bị đơn ông Y S Bkrông, bà H B Byă cư trú tại Buôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị L: Quá trình giải quyết vụ án bà Lưu Thị L chỉ yêu cầu vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải trả cho bà số tiền gốc là 80.000.000 đồng và để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn bà Lưu Thị L đã cung cấp cho Tòa án bản gốc Giấy vay tiền ngày 06/5/2023 có chữ ký của bên vay tiền và nội dung xác định vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă vay bà Lưu Thị L với số tiền 85.000.000 đồng và nguyên đơn bà Lưu Thị L cho rằng bị đơn ông Y S Bkrông, bà H B Byă mới trả cho bà được 5.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 80.000.000 đồng tiền gốc và lãi chưa trả từ khi vay tiền cho đến nay.

[2.2]. Về số tiền các bên giao dịch: Bị đơn thừa nhận có giao kết ký Giấy vay tiền vào ngày 06/5/2023, theo nội dung của Giấy vay tiền xác định vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă đã vay bà Lưu Thị L số tiền 85.000.000 đồng, thời hạn vay ngày 15/11/2023 trả cho bà là 30.000.000 đồng, ngày 15/5/2024 trả 30.000.000 đồng và đến ngày 15/12/2024 trả hết số tiền còn lại và lãi theo ngân hàng quy định. Như vậy, vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă vay tiền của bà Lưu Thị L là có thật.

Xét ý kiến bị đơn ông Y S Bkrông, bà H B Byă cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần tiền gốc cho bà Lưu Thị L. Tuy nhiên nguyên đơn bà L không đồng ý cho trả dần, vì bà L cho rằng đã tạo điều kiện cho bị đơn và đề nghị

Tòa án buộc vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă trả 01 lần theo quy định pháp luật cho nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của ông Y S Bkrông, bà H B Byă.

Như vậy, việc ký vay tiền của bị đơn vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch vay tiền trong Giấy vay tiền ngày 06/5/2023 mà bà L cho vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật, đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; việc vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă không trả nợ cho bà L như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị L, buộc bị đơn vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải trả cho bà Lưu Thị L số tiền 80.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

[2.3]. Xét yêu cầu trả tiền lãi: Các bên đương sự đều thừa nhận lãi suất của khoản vay này tính lãi suất theo quy định pháp luật. Bị đơn đề nghị nguyên đơn bà L miễn lãi suất vay nhưng nguyên đơn không đồng ý mà đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định pháp luật. Do đó căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn vợ chồng ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải chịu lãi theo quy định pháp luật; căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tính lãi 10%/01 năm là phù hợp. Vậy, số tiền lãi tính từ ngày 06/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/6/2025 của số tiền gốc 80.000.000 đồng là 16.934.000 đồng.

[2.4]. Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải trả cho bà Lưu Thị L tổng số tiền là: 96.934.000 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là: 80.000.000 đồng và tiền lãi là: 16.934.000 đồng) là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị L được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lưu Thị L số tiền 2.760.000 đồng mà bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA /2023/0008620 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.846.700 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị L.
- Buộc bị đơn ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải trả cho bà Lưu Thị L số tiền là: 96.934.000 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là: 80.000.000 đồng và tiền lãi là: 16.934.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong , bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Nguyên đơn bà Lưu Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lưu Thị L số tiền 2.760.000 đồng mà bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0008620 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn ông Y S Bkrông, bà H B Byă phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.846.700 đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm . Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS Krông Ana;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thành